

Du học nước ngoài - Tổng quan chính sách của Trung Quốc và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Đinh Thị Bích Loan

Email: loandtb@vnies.edu.vn
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
101 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Du học nước ngoài từ lâu được coi là một trong những giải pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước. Trung Quốc đã có các bước đi tích cực, linh hoạt và hiệu quả trong lĩnh vực này để xây dựng được một hệ thống giáo dục đại học khổng lồ với một số trường đại học đẳng cấp quốc tế và trở thành cường quốc kinh tế lớn thứ hai trên thế giới. Bài viết tổng quan lịch sử các chính sách du học của Trung Quốc để tìm hiểu lý do mang lại sự thành công như hiện nay của quốc gia này, qua đó, rút ra một số bài học kinh nghiệm chính liên quan tới chính sách du học nước ngoài cho Việt Nam về: Nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục đại học, định hướng hoạt động du học nước ngoài, quản lý thông tin du học sinh, thu hút sự đóng góp của du học sinh cho phát triển đất nước.

TỪ KHÓA: Du học nước ngoài, giáo dục đại học, du học sinh, chính sách, dịch chuyển quốc tế.

→ Nhận bài 18/10/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 26/11/2022 → Duyệt đăng 30/12/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12220325>

1. Đặt vấn đề

Du học nước ngoài được xếp vào một trong những hình thức của di cư quốc tế với tên gọi là di cư du học [1]. Theo Tổ chức di cư quốc tế IOM và Tổng cục Thống kê, di cư là sự thay đổi nơi ở của con người từ lãnh thổ này tới một lãnh thổ khác trong một khoảng thời gian nhất định [2], [3]. Như vậy, có thể hiểu, du học nước ngoài chính là sự thay đổi nơi cư trú của con người từ một quốc gia này sang quốc gia khác vì mục đích học tập, trong một khoảng thời gian nhất định.

Hình thức di chuyển để học tập này theo phân loại của GATS (General Agreement on Trade in Service) thuộc phương thức 2- Tiêu dùng ở nước ngoài. Theo phương thức này, thực chất, đối ngũ sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh ra nước ngoài học tập và phải chi trả học phí cho trường nước ngoài.

Hiện nay, học tập ở một quốc gia khác với quốc gia gốc do mong muốn hay do sự cần thiết đang ngày càng phổ biến hơn, thể hiện ở số lượng sinh viên du học nước ngoài (còn được gọi là sinh viên quốc tế/du học sinh) luôn tăng trong những năm qua. Năm 2017, có 5,3 triệu sinh viên quốc tế theo học chương trình được cấp bằng của bậc Đại học ở một quốc gia khác, chiếm 2,4% trong tổng số sinh viên toàn thế giới, đến năm 2018, số lượng này đã tăng lên gần 5,6 triệu và năm 2019 là 6,1 triệu người. Dự báo con số này sẽ đạt 8 triệu người vào năm 2025 [1], [4], [5].

Chủ đề du học nước ngoài hay lưu chuyển sinh viên quốc tế hiện cũng đang là một chủ đề được rất nhiều các nhà nghiên cứu, học giả trên thế giới quan tâm tìm hiểu. Dù trên thực tế, số lượng sinh viên quốc tế chỉ chiếm tỉ lệ nhỏ trong tổng số sinh viên nói chung nhưng

luồng di chuyển quốc tế này đã nhận được sự quan tâm ngày càng nhiều về mặt chính sách của các quốc gia cũng như các cơ sở giáo dục đại học bởi tầm quan trọng và sự ảnh hưởng của nó. Trên thực tế, nhiều quốc gia phát triển, đang phát triển và mới nổi trên thế giới đã thừa nhận từ lâu về lợi ích kinh tế, tri thức và ngoại giao từ việc gửi sinh viên đi học ở nước ngoài và đón nhận sinh viên quốc tế. Điều này được thể hiện qua các chính sách trong lĩnh vực này được cập nhật ngày càng thường xuyên hơn ở các quốc gia. Là cường quốc kinh tế lớn thứ hai thế giới ở Châu Á, Trung Quốc là nước có sinh viên đi học ở nước ngoài nhiều nhất thế giới. Số lượng sinh viên Trung Quốc du học nước ngoài nhiều gấp ba lần so với sinh viên đến từ Ấn Độ - quốc gia gửi sinh viên lớn thứ hai thế giới. Học phí và các khoản chi tiêu của những sinh viên này là một nguồn kinh tế ngày càng quan trọng đối với nhiều trường đại học và nền kinh tế địa phương ở các quốc gia như Hoa Kỳ, Canada, Úc và Vương quốc Anh. Ví dụ, vào năm 2017, 30% tổng số sinh viên quốc tế ở Úc là công dân Trung Quốc, đóng góp gần 7 tỉ đô la Mỹ doanh thu trong nước giúp đưa giáo dục quốc tế trở thành ngành xuất khẩu dịch vụ lớn nhất của Úc [6]. Những năm gần đây, Trung Quốc ngày càng chú ý hơn tới lĩnh vực giáo dục quốc tế, đặc biệt là đối tượng sinh viên du học ở nước ngoài và sinh viên quốc tế tại Trung Quốc. Sự dịch chuyển quốc tế của sinh viên là một đặc điểm cốt lõi của những cải cách giáo dục đại học tập trung vào việc tạo ra các trường đại học đẳng cấp thế giới gần đây của Trung Quốc.

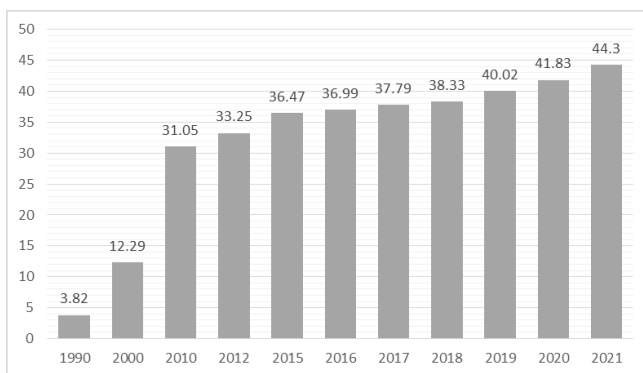
Cùng là quốc gia Châu Á và có nhiều điểm tương đồng về thể chế chính trị, đồng thời đều là quốc gia

thuộc nhóm có sinh viên du học nước ngoài nhiều nhất thế giới nên việc tìm hiểu, tham khảo kinh nghiệm về mặt chính sách liên quan lĩnh vực này của Trung Quốc là rất cần thiết đối với Việt Nam.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tình hình phát triển giáo dục đại học của Trung Quốc

Trung Quốc đang trở thành một cường quốc lớn, là một nền kinh tế phát triển tốc độ cao trong nhiều năm kể từ khi bắt đầu thực hiện chính sách đổi mới năm 1978. Nền giáo dục đại học của quốc gia này đã thay đổi nhanh chóng trong khoảng mấy chục năm gần đây. Trải qua quá trình mở rộng và hiện đại hóa chưa từng có, hiện nay, đây được coi là một hệ thống giáo dục đại học lớn nhất trên thế giới, với 240 triệu người đã trải qua bậc học này. Theo số liệu thống kê của Bộ Giáo dục Trung Quốc, năm 2019, quốc gia này có 40,02 triệu sinh viên theo học ở bậc Giáo dục đại học, tăng 1,69 triệu so với năm 2018; 2.857 trên 100.000 người dân đang theo học các chương trình ở bậc Giáo dục đại học, đánh dấu mức tăng 199 so với năm trước. Tỷ lệ nhập học đại học tăng từ 3,9% vào năm 1992 lên 30% năm 2012 và 57,8% vào năm 2021 [7], [8], [9]. Đây là một bước nhảy vọt lịch sử đánh dấu giáo dục đại học ở Trung Quốc đã bước vào giai đoạn phổ cập giáo dục đại học theo các định nghĩa thông thường trên thế giới (xem Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1: Số lượng sinh viên theo học các chương trình cấp bằng của giáo dục đại học ở Trung Quốc từ năm 1990 đến năm 2021 (đơn vị: triệu người)

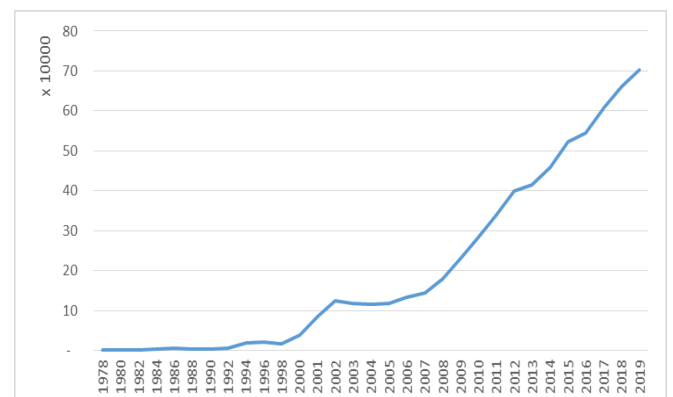
(Nguồn: <https://www.statista.com/statistics/1114979/china-enrolled-student-number-in-tertiary-education/>)

Các cơ sở giáo dục đại học của Trung Quốc hiện đang cung cấp khoảng 8 triệu sinh viên tốt nghiệp hàng năm. Con số này lớn hơn cả số sinh viên tốt nghiệp của Hoa Kỳ và Ấn Độ cộng lại và dự kiến sẽ tăng thêm 300% nữa cho đến năm 2030. Số lượng nghiên cứu sinh được đào tạo tại Trung Quốc hiện cũng nhiều hơn số lượng nghiên cứu sinh tiến sĩ ở Hoa Kỳ. Ngoài ra, trong năm 2018, số lượng các bài báo nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và y tế do các nhà nghiên cứu tại đất nước này

xuất bản đã lần đầu tiên vượt quá số lượng các bài báo do các học giả Hoa Kỳ công bố [6].

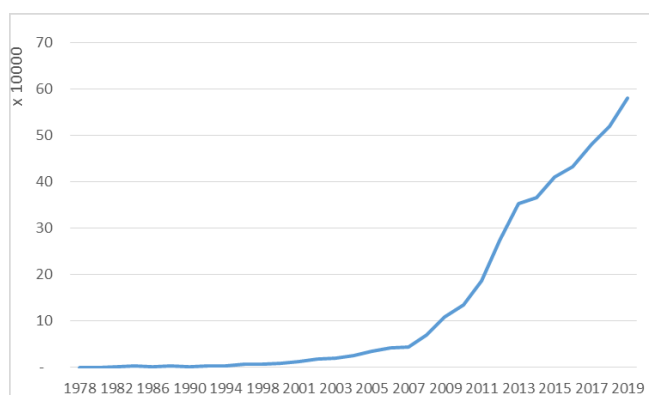
Các trường đại học hàng đầu của Trung Quốc cung cấp nền giáo dục với chất lượng ngày càng cao. Một số trường đại học và một số lượng lớn các ngành học của quốc gia này đã đạt đến trình độ rất tiên tiến so với các trường đại học và ngành học trên thế giới. Các cơ sở đại học hàng đầu đang phát triển nhanh chóng như Đại học Thanh Hoa và Đại học Bắc Kinh hiện được coi là những học viện danh tiếng nhất Châu Á và xuất hiện trong top 30 ở cả hai bảng xếp hạng đại học thế giới THE và QS, trong đó theo QS World University Rankings 2022, Đại học Thanh Hoa xếp thứ 17, Đại học Bắc Kinh xếp thứ 18 [10] và cả hai trường đều xếp thứ 16 theo THE 2022 [11]. Nhờ sự cải thiện về chất lượng của các trường đại học Trung Quốc và một số yếu tố khác, quốc gia này đang trở thành một quốc gia điểm đến quan trọng của sinh viên quốc tế từ Châu Á, Châu Phi và các quốc gia khác. Theo số liệu của The Open Doors Report 2020 của Viện Giáo dục Quốc tế (IIE), Trung Quốc là nước đứng thứ ba thế giới về số lượng sinh viên quốc tế tới học bậc đại học [6]. Năm 2018, có 492.185 sinh viên nước ngoài tới học ở Trung Quốc, họ đến từ 196 quốc gia và vùng lãnh thổ và đang học tập tại 1004 trường tại 31 tỉnh thành phố Trung Quốc, trong đó, lưu học sinh Hàn Quốc đông nhất (50.600 người) [12]. Lưu học sinh Việt Nam có 11.299 người và xếp thứ 11 trong 15 quốc gia có lưu học sinh đông nhất đang du học Trung Quốc.

Đồng thời, đây cũng là quốc gia có số lượng sinh viên du học nước ngoài nhiều nhất thế giới. Trong giai đoạn năm 1978 đến năm 2019, tổng cộng có hơn 6 triệu công dân Trung Quốc đã ra nước ngoài học tập (xem Biểu đồ 2).



Biểu đồ 2: Số lượng sinh viên Trung Quốc du học nước ngoài

(Nguồn: Số liệu từ năm 1978 đến năm 2006 của Cao (2008); Số liệu từ năm 2006 đến năm 2013 dựa trên Báo cáo thường niên về du học sinh từ năm 2006-2013 của Bộ Giáo dục Trung Quốc, 2014-2019: <https://www.ceicdata.com/en/china/number-of-graduate/no-of-returned-student-from-abroad>)



Biểu đồ 3: Số lượng sinh viên Trung Quốc trở về từ nước ngoài

(Nguồn: Số liệu từ năm 1978 đến 2006 của Cao (2008); Số liệu từ năm 2006 đến năm 2013 dựa trên Báo cáo thường niên về du học sinh từ năm 2006-2013 của Bộ Giáo dục Trung Quốc, 2014-2019: <https://www.ceicdata.com/en/china/number-of-graduate/no-of-returned-student-from-abroad>)

Trong số những người đã hoàn thành việc học tập, nghiên cứu, có 4.231.700 sinh viên tương ứng với 86,28% lựa chọn quay trở lại Trung Quốc [13] (xem Biểu đồ 3). Lý do trở về chủ yếu do các cơ hội về nghề nghiệp, các chế độ quyền lợi, ưu đãi, và sự bãi bỏ những hạn chế về việc di cư. Du học sinh Trung Quốc trở về từ nước ngoài được nhìn nhận như lực lượng chính cho Sáng tạo và Khởi nghiệp [14]. Số liệu này trong 10 năm vừa qua tăng khá cao, tương tự xu hướng tăng của số sinh viên quốc gia này tới các nước khác để học tập, nghiên cứu.

Đây là nguồn nhân lực quý đối với sự phát triển như hiện nay của đất nước nói chung và của nền giáo dục đại học Trung Quốc nói riêng. Để hiểu được lý do dẫn tới các thực tế trên cần tìm hiểu về những chính sách liên quan đặc biệt là chính sách du học nước ngoài của cường quốc thứ hai thế giới này.

2.2. Chính sách du học nước ngoài

2.2.1. Giai đoạn trước năm 1992

Vào đầu những năm 1860, với mục đích lấy lại sự hùng mạnh cho Trung Quốc, nhà Thanh tập trung vào việc thu thập thông tin khoa học và công nghệ từ thế giới phương Tây như một chiến lược quan trọng. Một nhóm sinh viên nam đã được gửi tới học ở Mỹ. Mặc dù sau đó những sinh viên này đã bị triệu hồi về nước trước khi hoàn thành việc học tập, nhưng những người trở về này đã có những đóng góp to lớn cho việc chuyển đổi từ chế độ phong kiến sang Trung Quốc hiện đại [15]. Các phong trào học tập ở nước ngoài sau đó được đại diện bởi những trào lưu “sốt Nhật Bản” (1896 - 1911), “du học tại Hoa Kỳ với Quỹ bồi thường vũ sĩ quyền Anh” (1896 - 1911), “Chương trình vừa học vừa làm ở Pháp” (1911) - 1924), “Học về chính trị ở Liên Xô”

(1921 - 1930), và “học tập ở các nước xã hội chủ nghĩa” (1950 - 1965) [15]. Những phong trào này là các lực xúc tác cho sự phát triển của Trung Quốc mới hướng tới hiện đại hóa.

Ngay sau Cách mạng Văn hóa năm 1976, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nhận ra vai trò quan trọng của nhân tài và vấn đề nghiêm trọng của việc thiếu các nhân lực có trình độ cao, được đào tạo bài bản để đáp ứng các mục tiêu hiện đại hóa nông nghiệp, công nghiệp, khoa học-công nghệ phục vụ phát triển và bảo vệ đất nước. Quốc gia này đã đưa vào chương trình nghị sự nội dung đào tạo nhân lực chất lượng cao ở nước ngoài.

Năm 1978, nhà lãnh đạo Đặng Tiểu Bình đã đề xuất gửi sinh viên ra nước ngoài bằng mọi cách có thể. Đây được coi là một trong những cách quan trọng để nâng cao trình độ khoa học và giáo dục Trung Quốc. Khoảng 3000 sinh viên và học giả Trung Quốc đã được Chính phủ Trung Quốc gửi đến các quốc gia như Hoa Kỳ, Canada, Anh, Pháp, Ý, Đức, Bỉ, Thụy Sĩ, Áo, Hà Lan, Đan Mạch, Thụy Điển, Phần Lan, Nam Tư, Romania, Úc, New Zealand và Nhật Bản [15]. Đây được coi là khởi đầu của chính sách mở cửa Trung Quốc ra thế giới bên ngoài. Kể từ đó, hàng triệu người Trung Quốc đã ra nước ngoài để tham gia các khóa học; chương trình cấp bằng, nghiên cứu trong các lĩnh vực khác nhau, từ khoa học tự nhiên đến kỹ thuật, khoa học xã hội, nhân văn...

Vào năm 1981, Hội đồng Nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ban hành một văn bản quy định tạm thời về du học tự chi trả, cho phép sinh viên đi du học bằng chi phí riêng của họ (du học tự túc). Kể từ đó, số lượng sinh viên du học tự túc của đất nước này đã tăng lên đáng kể [9]. Vào đầu những năm 80, hầu hết sinh viên và học giả ra nước ngoài học tập đều trở về Trung Quốc sau khi hoàn thành việc học tập, nghiên cứu vì đa số họ đi bằng nguồn ngân sách nhà nước do giai đoạn này, yêu cầu phải trở về nước sau khóa học là một điều kiện để có học bổng du học. Đến giữa những năm 80, số lượng du học sinh tự chi trả tăng lên, thì số lượng người trở về bắt đầu giảm [15]. Giai đoạn năm 1984 đến năm 1988, số lượng sinh viên du học tự túc xấp xỉ số sinh viên được nhà nước/tổ chức tài trợ. Từ năm 1990, số sinh viên du học tự túc chiếm phần lớn trong tổng số sinh viên du học [9].

Để hỗ trợ sinh viên tự do học tập ở nước ngoài nhưng vẫn giảm thiểu tình trạng chảy máu chất xám, vào năm 1985, Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua Quyết định về Cải cách hệ thống giáo dục. Chính sách này đã đưa ra nguyên tắc về du học: “Hỗ trợ việc học tập ở nước ngoài, khuyến khích du học sinh trở về nước bằng các hứa hẹn về sự di chuyển tự do” [16]. Theo chính sách này, các sinh viên được đảm bảo sự tự do cần thiết đối với việc di chuyển quốc tế.

Năm 1987, trong một cuộc tranh luận lớn về việc

người hồi hương ít trở về, Triệu Tử Dương, khi đó là Tổng bí thư của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã lập luận rằng, cái gọi là ‘chảy máu chất xám’ thực chất là để ‘lưu trữ chất xám ở nước ngoài’, mà cuối cùng có thể được sử dụng [15].

Tuy nhiên, sau sự kiện Thiên An Môn vào năm 1989, tỉ lệ sinh viên trở về nước sụt giảm mạnh. Do đó, Chính phủ Trung Quốc đã áp dụng nhiều chính sách để giải quyết vấn đề này và cố ý giảm số lượng sinh viên được nhà nước hoặc tổ chức tài trợ. Trong đó, có chính sách buộc những người muốn đi học ở nước ngoài phải phục vụ ở Trung Quốc trong một số năm nhất định (5 năm cho sinh viên đại học và 7 năm cho sinh viên sau đại học hoặc trả lại chính phủ tiền học phí đại học mới được ra nước ngoài du học). Do đó, số lượng sinh viên ra nước ngoài và số lượng người trở về giai đoạn này đều giảm [9], [15].

2.2.2. Giai đoạn từ năm 1992 - 2005

Năm 1992, năm xây dựng bước đầu thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa của Trung Quốc [17], trong chuyến thăm miền Nam Trung Quốc, ông Đặng Tiểu Bình đã tái khẳng định chính sách cải tổ và mở cửa, cũng như chỉ ra rằng, Trung Quốc không nên ngừng gửi sinh viên ra nước ngoài chỉ vì ít người hồi hương, thậm chí nếu một nửa số du học sinh không trở về thì một nửa còn lại sẽ giúp đất nước. Đồng thời, ông cũng kêu gọi tất cả sinh viên du học trở về bất kể thái độ chính trị trước đây của họ như thế nào và cố gắng thuyết phục họ rằng sẽ tốt hơn nếu họ trở về nước và đóng góp [15]. Cuối năm đó, chính quyền trung ương đã ban hành quy chế du học ở nước ngoài, theo đó nói lỏng nhiều hạn chế về thời gian phục vụ đối với việc du học nước ngoài.

Năm 1993, Trung Quốc đã ban hành *Hướng dẫn cho sinh viên và học giả du học*, đó là hỗ trợ việc học tập nghiên cứu ở nước ngoài, khuyến khích họ trở về Trung Quốc sau khi họ hoàn thành nghiên cứu và đảm bảo cho họ sự tự do đến và đi [9]. Kể từ đó, các chính sách liên quan đến việc du học đã được ổn định và số lượng sinh viên đi du học đã tăng lên đáng kể với một tỉ lệ lớn trong số họ là du học tự túc.

Trong khi đó, với sự phát triển của nền kinh tế thị trường và nhận thức ngày càng tăng về vai trò của vốn nhân lực trong khả năng cạnh tranh quốc gia, nhu cầu về tài năng của Trung Quốc trở nên rõ ràng và cấp bách hơn. Chính phủ Trung Quốc đã phát động các chương trình như: Chương trình Trăm tài năng (1994) do Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc chịu trách nhiệm, Chương trình Học giả Chunhui (1996) do Bộ Giáo dục chịu trách nhiệm để thu hút các tài năng ở các lĩnh vực: Khoa học tự nhiên, Khoa học cơ bản, Y tế, Khoa học sự sống, khoa học Trái đất, Khoa học thông tin, Công

nghệ, Luật, Kinh tế, Quản lý nước ngoài trở về tham gia vào sự phát triển kinh tế của Trung Quốc. Những người trở về sẽ được hưởng các khoản tài trợ/lương cao và các quyền lợi khác về nhà ở, đi lại... [9], [18].

Năm 1997, Giang Trạch Dân- Chủ tịch Trung Quốc đã có một chính sách mới “*làm sống lại đất nước thông qua khoa học và giáo dục*” để làm nổi bật vai trò quan trọng của giáo dục và khoa học trong phát triển kinh tế của Trung Quốc [9]. Dự án 211 (ra đời năm 1993) và Dự án 985 (khởi động vào năm 1998) có thể coi là hai chương trình chính để nâng tầm các trường đại học ưu tú ở Trung Quốc, hướng tới mục tiêu xây dựng trường đại học đẳng cấp thế giới. Chính phủ Trung Quốc đã đầu tư một số tiền đáng kể vào một số ít các trường đại học hoặc các ngành học để đảm bảo chất lượng cao trong giảng dạy và nghiên cứu. Dự án 211 đã được công bố để hỗ trợ 100 trường đại học hàng đầu có thêm kinh phí. Sau đó, vào năm 1998, Dự án 985 được bắt đầu tập trung hơn nữa nguồn lực cho 39 trường đại học hàng đầu để giúp họ trở thành các trường đại học đẳng cấp thế giới. Các trường đại học, đặc biệt là các trường thuộc hai dự án này đã tích cực thúc đẩy quốc tế hóa thông qua các hoạt động như khuyến khích hợp tác nghiên cứu xuyên quốc gia và các chương trình liên kết, tuyển dụng các học giả từ nước ngoài, sinh viên quốc tế, tuyển dụng tài năng toàn cầu và người nước ngoài; sử dụng tiếng Anh như một phương tiện giảng dạy. Để hướng tới mục tiêu xây dựng các trường đại học đẳng cấp thế giới, ngoài việc cải thiện cơ sở hạ tầng và phát triển các ngành, cả chính phủ và các tổ chức đều tích cực tuyển dụng các học giả từ nước ngoài, nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của Trung Quốc theo các tiêu chuẩn quốc tế. Phần lớn tài trợ của dự án 985 đã được sử dụng để xây dựng mạng lưới quốc tế bao gồm tổ chức các hội nghị quốc tế, thu hút giảng viên nổi tiếng thế giới và các học giả, hỗ trợ sinh viên và giảng viên nghiên cứu hoặc tham dự các hội nghị ở nước ngoài. Khoảng 1/5 kinh phí cho các trường đại học của dự án này đã dùng để thuê các học giả được đào tạo ở nước ngoài [9].

Năm 2000, trong một bài phỏng vấn đăng trên một tạp chí khoa học uy tín, Giang Trạch Dân lúc đó là Tổng Bí thư Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đưa ra một tuyên bố quan trọng khác: “... vì nhiều lí do khác nhau, khá nhiều du học sinh đã quyết định không quay trở về -ít nhất là vào thời điểm này, điều này là có thể hiểu được” [15]. Như vậy, giới lãnh đạo Trung Quốc đã ngày càng nhận ra rằng không thể và không cần thiết phải thu hút tất cả du học sinh trở về nước làm việc vì nguồn nhân lực này sẽ không bị mất hoàn toàn và vĩnh viễn mà ngược lại, đây là một trong những tài sản lớn nhất của Trung Quốc và quốc gia này

có thể hưởng lợi về lâu dài.

Năm 2001, khi Trung Quốc gia nhập WTO, quốc gia này đã cam kết mở cửa thị trường nội địa dịch vụ giáo dục trừ đối với giáo dục bắt buộc và giáo dục trong lĩnh vực đặc biệt như quân sự, công an, chính trị, trường Đảng, đồng thời có những cam kết khá chặt chẽ. Đó là, không có bất cứ hạn chế nào đối với việc gửi học sinh, sinh viên Trung Quốc ra nước ngoài học tập, cũng như tiếp nhận sinh viên nước ngoài vào học tập tại Trung Quốc. Một trong những chủ trương trong đổi mới quản lý Nhà nước về giáo dục đó là tạo điều kiện thuận lợi cho hàng trăm ngàn sinh viên theo học ở các trường đại học nổi tiếng của các nước phát triển, nhằm nhanh chóng tạo ra một đội ngũ nhân lực có trình độ cao phục vụ sự nghiệp hiện đại hoá đất nước. Đây là tiền đề cho sự phát triển mạnh mẽ về số lượng du học sinh Trung Quốc sau này.

2.2.3. Giai đoạn từ năm 2005 tới nay

Trong giai đoạn này, một trong những triết lý giáo dục Trung Quốc là phát triển theo ba nguyên lý định hướng cơ bản: 1/ Giáo dục cần phải hướng về sự hiện đại hóa, 2/ Giáo dục cần phải hướng ra thế giới và hội nhập giáo dục thế giới, 3/ Giáo dục cần phải hướng tới tương lai. Mọi chính sách phát triển và những mục tiêu cần phải được thực hiện theo ba nguyên lý này. Theo đó, một trong những phương châm giáo dục của Trung Quốc là hướng ra thế giới: Học tập kinh nghiệm giáo dục thế giới, hội nhập hệ thống chất lượng giáo dục thế giới, liên kết đào tạo và công nhận giá trị bằng cấp với các nước tiên tiến trên thế giới; Hướng tới tương lai: Đào tạo công dân Trung Quốc có năng lực hội nhập và cạnh tranh trong bối cảnh toàn cầu hóa của thế kỉ XXI.

Hệ thống pháp lý giáo dục của quốc gia này cũng cung cấp một nền tảng pháp lý vững chắc đối với việc trao đổi và hợp tác giáo dục quốc tế. Luật Giáo dục nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (Bộ Giáo dục) đã thể hiện rõ sự khuyến khích hợp tác trao đổi với nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Trong văn bản này có một chương riêng về “Hợp tác và trao đổi nước ngoài trong giáo dục” [19]. Nhờ đó, nhiều trường đại học quốc tế hàng đầu của Anh, Pháp, Hoa Kỳ, Singapore đã có các hợp tác dưới các hình thức khác nhau ở Trung Quốc, trong đó có các trường hàng đầu thế giới như Đại học Oxford, Đại học California ở Los Angeles, Đại học California Berkeley, Đại học Quốc gia Singapore. Sự xuất hiện này góp phần nâng cao uy tín và vị thế của giáo dục đại học Trung Quốc với quốc tế. Dù hiện nay, đa số sinh viên đi du học nước ngoài của Trung Quốc là bằng nguồn kinh phí tự túc nhưng Chính phủ vẫn có các hỗ trợ về tài chính cho những đối tượng cần thiết. Chính phủ Trung Quốc cũng thực hiện vai trò lãnh đạo đối với sự lưu chuyển của sinh viên thông qua các đối tác giáo

dục đại học quốc tế, đó là các mô hình trường đồng vận hành của Trung Quốc và nước ngoài (Loại hình cơ sở này có ở các cơ sở từ trung cấp chuyên nghiệp 2 năm đến đại học nghiên cứu, cho phép kiểm soát các luồng sinh viên. Năm 2013, số lượng cơ sở và chương trình giáo dục này là 3.958 đơn vị với 550.000 người tham gia từ các nơi trên thế giới) hay cơ chế chuyển đổi tín chỉ [16].

Kể từ khi Hội nghị Công tác Du học Quốc gia được tổ chức vào cuối năm 2014, công tác giám sát việc học tập ở nước ngoài của Chính phủ Trung Quốc chú trọng hơn tới người Trung Quốc du học ở nước ngoài và người nước ngoài du học tại Trung Quốc.

Tháng 9 năm 2015, Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc (CPC) đã ban hành một văn bản pháp lý có tên là Quy định về Công tác Mật trận Thống nhất của Đảng Cộng sản Trung Quốc (để thực hiện thử nghiệm). Tài liệu này chính thức đề cập tới những người trở về Trung Quốc và sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài trong nội dung những công việc đầu tiên.

Tháng 8 năm 2016, Ủy ban Trung ương CPC đã phát hành một văn bản pháp lý khác: “*Những gợi ý về tăng cường sự phát triển của Hiệp hội các học giả trở về từ phương Tây* (Hội học giả Trung Quốc ở nước ngoài)”. Như vậy, những người đi học ở nước ngoài (du học sinh) ngày càng được Chính phủ chú ý hơn.

Trong giai đoạn này, Trung Quốc đã xuất bản các *Báo cáo thường niên* về sinh viên Trung Quốc du học nước ngoài Blue Book- Sách Xanh (Sách Xanh về Hoa Kiều đã được xuất bản năm thứ 9 liên tiếp kể từ năm 2011 và đã giành được rất nhiều giải thưởng. Sách Xanh đã lọt vào danh sách rút gọn trong nhiều năm, trong “Chương trình Xuất bản Học thuật SSAP cho các Dự án Đổi mới”. Loạt Sách Xanh đã trở thành chương trình nghiên cứu tiêu biểu nhất của Trường Đại học HUAQIAO về người Hoa ở nước ngoài và đã được mọi người trong và ngoài nước thừa nhận, gây ảnh hưởng đáng kể trên toàn thế giới. Tùy từng năm, ấn phẩm này tập trung vào các nội dung khác nhau. Ví dụ, ấn phẩm Báo cáo thường niên về phát triển du học sinh Trung Quốc (2016) số 5 đã cung cấp những thông tin cập nhật nhất về tình hình sinh viên Trung Quốc đang ở nước ngoài và những người đã trở về nước. Để phục vụ cho phân báo cáo điều tra của ấn phẩm này, Trung Quốc đã thực hiện khảo sát quy mô lớn về sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài và người trở về nước để nhận biết tình trạng hiện tại của sinh viên Trung Quốc học ở nước ngoài giai đoạn từ 2007-2015 [20]. Về các nội dung như: Thực trạng số lượng du học sinh, nước đang theo học, trình độ và ngành học, cuộc sống, nguồn tài trợ, các kênh thông tin... tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp ở nước ngoài (ở lại học tiếp, đi làm hay ý định về nước làm việc: Lý do trở về/ yếu tố ảnh hưởng tới quyết định trở về, lĩnh vực hoạt động, tỉnh/thành phố lựa chọn làm việc...).

Báo cáo này được cho là đã dành sự quan tâm tới cả sinh viên quốc tế ở Trung Quốc và sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài, đồng thời đưa ra khuyến nghị về cách quảng bá Trung Quốc như một điểm đến của sinh viên nước ngoài và thu hút sinh viên Trung Quốc trở về đóng góp sau khi hoàn thành việc học tập. Ngoài ra, phần Phụ lục của báo cáo có giới thiệu một danh sách các trường đại học nổi tiếng thế giới đặt tại Bắc Mỹ, Châu Á - Thái Bình Dương và Châu Âu; một tổng quan ngắn gọn về tỉ lệ nhập học của sinh viên quốc tế, các ngành học phổ biến, lựa chọn học bổng/học bổng và khả năng chi trả học phí. Đây là những thông tin hữu ích cho những sinh viên trong nước đang tìm kiếm cơ hội giáo dục đại học ở nước ngoài.

Để tiếp tục thu hút nhiều tài năng trở lại, Chính phủ Trung Quốc tiếp tục áp dụng các chiến lược biến “chảy máu chất xám” thành “tăng chất xám” hay “lưu thông chất xám” thông qua các chương trình như: Dự án 111 (2006) do Bộ Giáo dục và Cơ quan Trung ương về Thương vụ chuyên gia nước ngoài chịu trách nhiệm, Chương trình ngàn tài năng dài hạn (2008), Chương trình Ngàn tài năng ngắn hạn (2008) do Văn phòng Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc chịu trách nhiệm, Chương trình Ngàn thanh niên tài năng (2011). Các chương trình này nhằm thu hút sự trở về của các nhà khoa học, học giả từ các trường đại học nổi tiếng thế giới, những người xuất sắc được đào tạo ở nước ngoài và doanh nhân công nghệ cao ở nước ngoài bằng cách cung cấp các chế độ lương bổng ưu đãi và điều kiện thuận lợi về vị trí công tác, công việc của vợ/chồng, giáo dục cho con cái và chính sách đặc biệt về hộ khẩu hoặc giấy phép cư trú dài hạn cho những người có quốc tịch nước ngoài [9]. Các chương trình này đã thu được nhiều kết quả tích cực. Chính phủ đã vận động khá thành công lực lượng trí thức, doanh nhân mang tri thức khoa học, công nghệ cao và tư bản về nước. Ví dụ, Đề án 111 trong hai năm thực hiện đã thu hút được 210 chuyên gia Hoa Kiều về nước làm việc, trong số đó có tới 13 nhà khoa học đạt giải Nobel và 164 nhà khoa học [21]. Hiện những nhân vật như Alibaba, Baidu, Tencent nổi tiếng với mảng công nghệ thông tin, thương mại điện tử và thanh toán trực tuyến, đã hút được rất nhiều tài năng công nghệ gốc Hoa từ phương Tây trở về Trung Quốc làm việc. Đồng thời, nhiều sinh viên và học giả ở nước ngoài có những sáng kiến để đóng góp cho Trung Quốc thông qua nhiều cách khác nhau: giảng dạy trong chuyến thăm ngắn hạn tới Trung Quốc, trao đổi học thuật, tiến hành nghiên cứu chung, đưa vào các dự án và đầu tư, cung cấp thông tin và tư vấn kỹ thuật... Theo đó, chính quyền các cấp cũng như các doanh nghiệp và các tổ chức đều có chính sách hỗ trợ trong lĩnh vực này [18].

Nhìn chung, những trí thức Trung Quốc trở về nước cùng những kiến thức và kinh nghiệm mà họ học tập, tiếp thu được ở nước ngoài và đem về quê nhà đã góp phần làm sinh động thêm nền kinh tế đang phát triển nhanh ở Trung Quốc, là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội của đất nước. Họ trở thành lực lượng chính cho sáng tạo và khởi nghiệp. Thủ tướng Trung Quốc Lý Khắc Cường mới đây cho biết, Trung Quốc sẽ đưa ra nhiều ưu đãi hơn cho sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài quay trở lại khởi nghiệp và thực hiện đổi mới. Các ưu đãi chính sách đang được triển khai đòi hỏi sự hợp tác và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan để đạt được kết quả cụ thể. Trung Quốc hiện có 351 công viên khởi nghiệp, nơi đặt trụ sở của hơn 23.000 công ti và thu hút 86.000 người nước ngoài trở về. Một hệ thống dịch vụ công cộng dành cho tất cả sinh viên Trung Quốc ở nước ngoài sẽ được thành lập để cung cấp hỗ trợ toàn diện cho các doanh nghiệp khởi nghiệp của họ.” Với môi trường quốc tế đang thay đổi, chúng ta phải tạo điều kiện thuận lợi cho dòng chảy tài năng hai chiều để cung cấp sự hỗ trợ trí tuệ mạnh mẽ cho sự phát triển của đất nước chúng ta” [22].

2.3. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Từ nghiên cứu xu thế và thực tiễn chính sách du học của Trung Quốc, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam như sau:

Cần đầu tư, phát triển nền giáo dục đại học Việt Nam trong nước hơn nữa, đặc biệt là cố gắng để nâng tầm một số trường đại học lên đẳng cấp quốc tế thông qua thúc đẩy các cơ sở giáo dục đại học cả công lập và tư thục chú trọng nâng cao chất lượng đào tạo, đầu tư mạnh mẽ về cơ sở vật chất và nguồn lực, tạo môi trường học tập chất lượng cao và hiện đại, nâng cao chất lượng đào tạo của giảng viên, thu hút giảng viên nước ngoài, cập nhật chương trình đào tạo theo xu hướng thế giới, tăng cường phát triển các chương trình giảng dạy bằng tiếng Anh...

Đồng thời, tăng cường các hoạt động trao đổi, hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học trong nước và quốc tế đặc biệt trong cùng nghiên cứu và công bố quốc tế để tạo thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng, vị thế của các đơn vị. Đó cũng là cơ sở quan trọng tạo thuận lợi cho các luồng lưu chuyển quốc tế hai chiều của giảng viên, các nhà nghiên cứu, sinh viên, không chỉ luồng từ Việt Nam ra nước ngoài và ngược lại cả từ nước ngoài vào Việt Nam nhằm phát triển nhân lực theo trình độ quốc tế đồng thời là đưa giáo dục đại học Việt Nam ra nhập vào thị trường giáo dục đại học thế giới.

Ngoài ra, phát triển liên kết đào tạo với các trường đại học nổi tiếng thế giới hoặc cho phép các trường đại học nổi tiếng của nước ngoài mở chi nhánh trong nước

nhằm gây dựng uy tín về đào tạo và bằng cấp cho giáo dục đại học trong nước, thu hút sinh viên quốc tế và chính sinh viên trong nước là những người mong muốn được học các chương trình quốc tế nhưng không muốn hoặc không có khả năng du học.

Về định hướng du học nước ngoài: Tiếp tục tạo điều kiện cho công dân có nguyện vọng du học nước ngoài được tới học ở các nước có nền giáo dục đại học phát triển. Khuyến khích học tập ở các ngành mà đất nước đang cần nhân lực chất lượng cao, phù hợp với ưu tiên cho phát triển kinh tế quốc gia. Để làm tốt điều này, cần phổ biến công khai các thông tin liên quan đến nhu cầu nhân lực trình độ cao theo các ngành nghề ở các giai đoạn ngắn hạn và dài hạn để người học có thể tiếp cận dễ dàng khi xác định kế hoạch học đại học ở nước ngoài hay trong nước.

Quản lý thông tin du học sinh ở nước ngoài: Chú trọng hơn và có các hoạt động hiệu quả hơn để thu thập, nắm bắt được các thông tin cụ thể, cập nhật về du học sinh Việt Nam ở nước ngoài về số lượng người đang du học ở các quốc gia, chương trình học, ngành học, tình hình việc làm sau khi học xong,... Có thể thực hiện các nghiên cứu để thu thập, phân tích thông tin và công bố hoặc xuất bản ấn phẩm cung cấp thông tin về du học sinh cũng như tình hình sinh viên du học nước ngoài ở trên thế giới. Đây sẽ là nguồn thông tin không chỉ hữu ích cho Chính phủ/các bộ ngành trong việc hoạch định chính sách mà còn cho các cơ sở giáo dục đại học trong xác định chiến lược phát triển trường học, ngành học ở môi trường đang ngày càng cạnh tranh cả ở trong nước và quốc tế. Không những thế, người dân và đặc biệt là những sinh viên đang tìm kiếm cơ hội giáo dục đại học ở nước ngoài có thể có đầy đủ thông tin đáng tin cậy để tham khảo và tự ra quyết định về kế hoạch học tập và làm việc của mình.

Thu hút sự đóng góp của nguồn nhân lực được đào tạo ở nước ngoài: Đối sách “Brain Loss, Brain Gain” nghĩa là chấp nhận chảy máu chất xám ban đầu để thu lại chất xám về sau mà Trung Quốc đã áp dụng thể hiện một sự linh hoạt, cởi mở hơn và tầm nhìn xa mà Việt Nam nên học tập. Không phải không trở về nghĩa là mất những nhân lực được đào tạo ấy, nhất là trong bối cảnh toàn cầu hóa mạnh mẽ với sự phát triển như vũ bão của khoa học công nghệ như hiện nay giúp cho sự kết nối dễ dàng và rộng khắp, khiến nhiều thứ trước kia là không thể thành có thể và khoảng cách không còn là một trở ngại lớn. Do đó, Chính phủ Việt Nam có thể tiếp tục khuyến khích du học sinh trở về làm việc trực tiếp ở trong nước hoặc có thể làm việc ở nước ngoài miễn là môi trường đó tạo cơ hội cho họ phát triển tốt nhất. Các cá nhân nếu phát triển tốt ở nước ngoài cũng là một cách để quảng bá được hình ảnh của Việt Nam,

góp phần tạo nên vị thế, sức mạnh mềm cho quốc gia. Ngoài ra, họ cũng có thể trở thành cầu nối quan trọng cho các hợp tác quốc tế giữa Việt Nam, các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam với đối tác ở các nước.

Việc thể hiện sự cần thiết, mong muốn và trân trọng các hợp tác và đóng góp dưới mọi hình thức của họ cho đất nước từ phía Chính phủ cùng với những chính sách ưu đãi về quyền lợi sẽ tạo hiệu quả mạnh trong thu hút sự đóng góp của nguồn lực này vào phục vụ phát triển của đất nước. Ngoài ra, cần chú trọng và phát triển các tổ chức kết nối mối quan hệ chặt chẽ và tích cực giữa các tổ chức, cơ sở giáo dục đại học và cá nhân với những người đang du học, làm việc ở nước ngoài đặc biệt là các học giả, chuyên gia trong các lĩnh vực. Đồng thời, cũng chú ý khơi gợi tinh thần tự tôn dân tộc, niềm tự hào về bản sắc văn hóa để kích thích mong muốn đóng góp phát triển quê hương của những công dân ở nước ngoài.

Ngoài ra, việc tạo điều kiện thuận lợi về công việc, giúp những du học sinh xuất sắc và tài năng giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt trong các ngành Kinh tế không chỉ tạo ra những lợi ích kinh tế rất lớn mà còn mang lại những cải thiện về công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiến bộ từ các quốc gia khác, thể hiện ý đồ của nhà nước về tư tưởng phát triển công nghệ trong nền kinh tế tri thức. Đây là một thành công vượt bậc của Trung Quốc trong việc đưa ra những bước đi hợp lý và thuyết phục trên con đường thực hiện tham vọng đứng đầu thế giới về khía cạnh sức mạnh tổng hợp quốc gia thông qua đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao tại nước ngoài và thu hút chất xám trở về mà Việt Nam nên tham khảo học tập.

3. Kết luận

Giáo dục của Trung Quốc nói chung, giáo dục đại học nói riêng là một hệ thống giáo dục lớn và đang có những định hướng phát triển mới với những mục tiêu thể kỷ nhằm bảo đảm cho Trung Quốc có nguồn nhân lực dồi dào đáp ứng cho sự phát triển của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Trung Quốc theo đuổi chính sách phát triển giáo dục theo hướng hiện đại hoá, hướng ra thế giới và tương lai. Dựa vào sự phát triển cao một cách phù hợp, đổi mới và sáng tạo, giáo dục đã và đang tạo ra những nỗ lực mới trong chiến lược chấn hưng đất nước về khoa học và giáo dục. Xét về mặt tổng thể, có thể thấy một phần nào có sự tương đồng về chính sách quốc gia đối với việc du học nước ngoài của Trung Quốc và Việt Nam. Tuy nhiên, để thành công như Trung Quốc, Việt Nam cần sự nhận thức và vào cuộc nghiêm túc hơn, mạnh mẽ hơn, linh hoạt hơn và phù hợp hơn với bối cảnh phát triển trong nước và thế giới hiện từ phía của chính phủ và các bộ/ngành liên quan.

Tài liệu tham khảo

- [1] Cục Lãnh sự, Bộ Ngoại giao Việt Nam, (2011), *Báo cáo tổng quan về tình hình di cư của công dân Việt Nam ra nước ngoài*.
- [2] Tổ chức Di cư quốc tế, (2011), *Giải thích thuật ngữ về Di cư*, <http://dicu.gov.vn/Uploaded/TuLieu/GiaiThichThuatNguVeDiCu.pdf>.
- [3] Tổng cục Thống kê, (2015), *Điều tra dân số và nhà ở giữa kì thời điểm ngày 01 tháng 4 năm 2014 - Các kết quả chủ yếu*.
- [4] Campus France, (2020), *Chiffres Clés*.
- [5] OECD, (2022), *Education at a Glance 2022*.
- [6] <https://wenr.wes.org/2019/12/education-in-china-3>.
- [7] http://en.moe.gov.cn/documents/reports/202102/t20210209_513095.html.
- [8] http://en.moe.gov.cn/news/press_releases/202205/t20220527_631451.html.
- [9] Q. Chen, (2017), *Globalization and Transnational Academic Mobility, The Experiences of Chinese Academic Returnees*, Springer and Higher Education Press.
- [10] <https://www.topuniversities.com/university-rankings/world-university-rankings/2022>.
- [11] https://www.timeshighereducation.com/world-university-rankings/2022/world-ranking#!/page/0/length/25/locations/CHN/sort_by/rank/sort_order/asc/cols/stats.
- [12] <https://www.statista.com/statistics/1092488/china-total-number-of-foreign-students/>.
- [13] Ministry of Education of the People's Republic of China., (2020), *Statistics on Chinese learners studying overseas in 2019*, http://en.moe.gov.cn/news/press_releases/202012/t20201224_507474.html.
- [14] Center for China and Globalisation, *CCG Releases Annual Report on the Development of Chinese Students Studying Abroad (2020-2021)*, <http://en.ccg.org.cn/archives/70684>.
- [15] Cong Cao, (November 2008), *China's brain drain at the high end, Why government policies have failed to attract first-rate academics to return*, Asian Population Studies, Vol. 4, No. 3.
- [16] Christopher J. Johnstone, Li Li Ji, (2018), *The Rise of China-U.S. International Cooperation in Higher Education: view from the field*, Brill Sense, Leiden.
- [17] <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/quoc-te/item/3013-tu-the-che-kinh-te-thi-truong-xa-hoi-chu-nghia-den-kinh-te-xa-hoi-chu-nghia-dac-sac-trung-quoc-thoi-dai-moi.html>.
- [18] http://en.moe.gov.cn/cooperation_exchanges/201506/t20150626_191376.html.
- [19] Chen, Kang, (2016), *International Student Mobility in Higher Education in China: Tensions between Policies and Practices*, Electronic Thesis, University of Western Ontario
- [20] <http://en.ccg.org.cn/annual-report-on-the-development-of-chinese-students-studying-abroad-2016-no-5>.
- [21] <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/5483/kinh-nghiem-thu-hut-hoa-kieu-trinh-do-cao-ve-nuoc-phuc-vu-phat-trien-khoa-hoc-va-cong-nghe---bai-hoc-cua-trung-quoc-tu-de-an-111.aspxh>.
- [22] <http://www.chinadaily.com.cn/a/201804/05/WS5ac55fc8a3105cdef65165b7.html>.

STUDY ABROAD - AN OVERVIEW OF CHINA'S POLICIES AND LESSONS FOR VIETNAM

Đinh Thị Bích Loan

Email: loandtb@vnies.edu.vn
The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: Study abroad has been considered as one of important pathways to improve the quality of human resources to meet the country's development needs. China has taken active, flexible and effective steps to develop a large higher education system with a number of world-class universities and at the same time become one of the second largest economic power in the world. The article reviews the history of China's study abroad policies to find out the reasons for the country's current success. Thereby, drawing some key lessons related to study abroad policies for Vietnam in terms of improving the quality of higher education institutions, orienting study abroad activities, managing international student's information and attracting their contributions to the country's development.

KEYWORDS: Study abroad, higher education, international student, policy, international mobility.